

Số: 1120/GP-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 6 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần VBIC Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 383/TTr-STNMT ngày 29 tháng 5 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần VBIC Sơn La (địa chỉ: số 55, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) xả nước thải vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nậm La đoạn chảy qua xã Hua La, thành phố Sơn La là phụ lưu cấp 1 của suối Nậm Bú, phụ lưu cấp 2 của sông Đà.

2. Vị trí xả nước thải:

- Tại xã Hua La, thành phố Sơn La.

- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0): X = 2355734; Y = 490132

3. Phương thức xả thải: Tự chảy.**4. Chế độ xả nước thải:** 24 h/ngày.**5. Lưu lượng xả nước thải:**

- Trung bình: $40,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $1,667 \text{ m}^3/\text{h}$;

- Lớn nhất: $75,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $3,125 \text{ m}^3/\text{h}$.

6. Chất lượng nước thải: Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Giá trị $C_{\max} = C$ với các thông số: Nhiệt độ, màu, pH, coliform; áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ với các chỉ tiêu còn lại), cụ thể trong bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A Giá trị C_{\max} : $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	–	5,5 đến 9
4	BOD5(20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	29,7
5	COD	mg/l	74,25
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5
7	Asen	mg/l	0,0495
8	Thủy ngân	mg/l	0,00495
9	Chì	mg/l	0,099
10	Cadimi	mg/l	0,0495
11	Crom (III)	mg/l	0,198
12	Đồng	mg/l	1,98
13	Kẽm	mg/l	2,97
14	Mangan	mg/l	0,495
15	Sắt	mg/l	0,99
16	Tổng Xianua	mg/l	0,0693
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A Giá trị Cmax: Kq = 0,9, Kf = 1,1
18	Sunfua	mg/l	0,198
19	Florua	mg/l	0,495
20	Amoni	mg/l	0,495
21	Tổng nito	mg/l	19,8
22	Tổng Phốt pho	mg/l	39,6
23	Clorua	mg/l	495
24	Clo dư	mg/l	0,99
25	Coliform	NPN/100ml	3000

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm (năm năm) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần VBIC Sơn La:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận. Nội dung quan trắc bao gồm: Vị trí, lưu lượng nước thải, tần suất quan trắc, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

- Nước thải sau khi xử lý:

+ Lưu lượng: Lắp đặt thiết bị kiểm soát lưu lượng nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường.

+ Vị trí: 01 điểm tại vị trí bể lắng.

+ Tần suất quan trắc 3 tháng/lần theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 20, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; thông số quan trắc theo QCVN 40:2011/BTNMT.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm trên suối Nậm La sau vị trí tiếp nhận nước thải từ Nhà máy nước Nậm La. Tần suất 6 tháng/lần, thông số và kết quả so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂.

Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải (thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm).

3. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước

thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại khoản 2, Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

5. Các yêu cầu khác đối với Công ty cổ phần VBIC Sơn La:

5.1. Thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt nằm trong giới hạn cho phép qui định tại khoản 6, Điều 1 Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu qui định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

5.2. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

5.3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên môi trường về các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường nguồn nước do hoạt động xả thải gây ra.

5.4. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực.

Điều 3. Công ty cổ phần VBIC Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần VBIC Sơn La còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND thành phố Sơn La;
- Công ty cổ phần VBIC Sơn La;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lò Minh Hùng